

Số: 54/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 18 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 10/3/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Kim L**, sinh ngày 01/11/1983.

Căn cước công dân số: 083.183.001.731 do Cục C về TTXH cấp ngày 21/02/2024.

Địa chỉ: Số D, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Địa chỉ hiện nay: Số D, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Cẩm T**, sinh năm: 1995. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo uỷ quyền của bà L (*văn bản uỷ quyền ngày 06/10/2025*).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Trúc P**, sinh ngày 24/11/1989.

Căn cước công dân số: 083.189.001.535 do Cục C về TTXH cấp ngày 03/4/2021.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Đặng Hữu N**, sinh ngày 23/11/1984. Căn cước công dân số: 083.084.014.806 do Cục C về TTXH cấp ngày 26/5/2023.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Địa chỉ hiện nay: Khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Đặng Hữu N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Thời gian và phương thức trả các đương sự thống nhất thỏa thuận tại Cơ quan thi hành án.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà L, nếu bà P và ông N chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ghi nhận việc bà L không yêu cầu bà P và ông N trả tiền lãi của số tiền trên đến khi Quyết định có hiệu pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Đặng Hữu N tự nguyện chịu số tiền án phí là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

+ Bà Đặng Hữu L1 phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Do bà L1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.249.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai số 0001997 ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên được khấu trừ. Bà L1 được hoàn lại số tiền 4.249.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng